

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		506.809.624.778	513.607.992.591
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.735.294.005	11.713.634.300
1. Tiền	111		7.735.294.005	11.713.634.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.929.703.376	14.401.848.850
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2(a)	0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2(b)	11.929.703.376	14.401.848.850
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		391.790.112.302	428.441.354.206
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3(a)	25.772.730.255	57.324.503.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		37.716.437.045	22.189.684.061
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4(a)	372.351.604.498	392.977.826.421
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136		-44.050.659.496	-44.050.659.496
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137	V.5	0	0
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	84.979.138.719	52.711.805.488
1. Hàng tồn kho	141		84.979.138.719	52.711.805.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		0	0
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151	V.12.1.1	0	0
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152	V.12.1.2	0	0
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		0	0
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		10.375.376.376	6.339.349.747
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.14(a)	453.892.348	334.574.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		5.013.218.451	1.611.851.686
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.19(b)	4.788.265.577	4.259.590.527
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164	V.23	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.15(a)	120.000.000	133.333.334

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.532.043.429	133.696.311.251
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		59.179.527.084	58.951.215.691
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3(b)	59.026.027.084	58.797.715.691
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu dài hạn khác	215		153.500.000	153.500.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		0	0
II. Tài sản cố định	220		12.901.898.252	15.260.876.894
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.822.383.252	15.175.661.894
- Nguyên giá	222		61.741.986.832	61.741.986.832
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-48.919.603.580	-46.566.324.938
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	79.515.000	85.215.000
- Nguyên giá	228		361.455.000	361.455.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-281.940.000	-276.240.000
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		0	0
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		0	0
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232	V.12.1.3	0	0
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233	V.12.2	0	0
- Nguyên giá	234		0	0
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		0	0
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		0	0
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		0	0
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		0	0
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.13	0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		3.336.680.713	3.336.680.713
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		3.336.680.713	3.336.680.713
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		55.800.937.710	55.800.937.710
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2(c)	62.954.570.000	62.954.570.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		0	0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264	V.2(c)	-7.153.632.290	-7.153.632.290
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		0	0
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		0	0
VII. Tài sản dài hạn khác	270		1.312.999.670	346.600.243
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.14(b)	1.312.999.670	346.600.243
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.26(a)	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	274	V.15(b)	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		639.341.668.207	647.304.303.842

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		349.377.891.554	346.901.830.967
I. Nợ ngắn hạn	310		187.231.008.550	185.261.327.602
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17(a)	62.507.190.446	51.946.774.643
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.755.240.512	23.542.290.147
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		0	0
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.19(a)	5.397.194.700	9.987.050.532
5. Phải trả người lao động	315		2.127.079.546	2.148.420.245
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.20(a)	13.191.113.302	23.499.951.192
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		0	0
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.22(a)	0	0
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21(a)	4.087.752.701	2.695.352.163
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16(a)	63.092.186.031	70.368.237.368
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.25(a)	0	0
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.073.251.312	1.073.251.312
14. Quỹ bình ổn giá	324		0	0
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325	V.23	0	0
II. Nợ dài hạn	330		162.146.883.004	143.053.593.804
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.17(b)	14.110.883.004	10.248.503.365
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333	V.19(b)	0	0
4. Chi phí phải trả dài hạn	334	V.20(b)	0	0
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		0	0
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		0	0
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.22(b)	0	0
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.21(b)	0	0
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16(b)	148.036.000.000	151.392.000.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		0	0
11. Cổ phiếu ưu đãi	341	V.24	0	0
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.26(b)	0	0
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343	V.25(b)	0	0
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.963.776.653	300.402.472.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27(b)	254.525.000.000	254.525.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.27(d)	254.525.000.000	254.525.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.27(d)	0	0
2. Thặng dư vốn	412	V.27(e)	-441.950.000	-441.950.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.27(e)	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415	V.27(e)	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.28	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.29	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35.880.726.653	46.319.422.875
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	420a		33.593.172.875	9.106.031.657
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	420b		2.287.553.778	37.213.391.218
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		639.341.668.207	568.383.501.028

Người lập biểu



Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Phê duyệt, Ngày 29 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	93.295.125.513	79.368.227.217	162.547.606.483	136.625.839.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		93.295.125.513	79.368.227.217	162.547.606.483	136.625.839.287
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	90.544.428.193	76.293.938.453	153.818.975.556	127.764.420.763
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.750.697.320	3.074.288.764	8.728.630.927	8.861.418.524
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21	VI.4	0	0	0	0
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	65.465.937	247.917.354	209.221.413	385.951.557
8. Chi phí tài chính	23	VI.6	1.646.170.275	5.341.028.875	2.544.509.406	8.754.341.322
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		905.787.306	5.341.028.875	1.804.126.437	8.754.341.322
9. Chi phí bán hàng	25	VI.9	0	0	0	0
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	3.873.294.313	3.761.264.452	7.245.765.223	7.156.880.378
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		-2.703.301.331	-5.780.087.209	-852.422.289	-6.663.851.619
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.184.967.209	8.099.793.748	4.346.499.852	12.500.393.371
13. Chi phí khác	32	VI.8	203.500.111	67.288.731	435.050.046	148.655.116
14. Lợi nhuận khác	40		1.981.467.098	8.032.505.017	3.911.449.806	12.351.738.255
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-721.834.233	2.252.417.808	3.059.027.517	5.687.886.636
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-131.876.388	482.267.745	771.473.739	1.296.375.064
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-589.957.845	1.770.150.063	2.287.553.778	4.391.511.572

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Phê duyệt, Ngày 29 tháng 07 năm 2026



Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)**Kỳ kế toán Quý 2 năm 2026*

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.059.027.517	5.687.886.636
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.358.978.642	2.805.196.072
- Các khoản dự phòng	03		0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		0	0
- Chi phí đi vay	06	VI.6	0	0
- Các khoản điều chỉnh khác	07		70.340.445	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.488.346.604	8.493.082.708
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		32.492.888.696	-121.674.147.214
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-32.267.333.231	45.240.572.964
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.018.194.796	-8.690.962.851
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		-1.072.384.241	998.234.502
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Chi phí đi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	-5.681.556.611	-1.905.857.776
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-664.537.265	-692.629.921
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.313.618.748	-78.231.707.588
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-10.186.598.000	-10.385.274.700
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.670.067.439	9.706.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.483.469.439	-679.274.700
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		57.714.076.224	139.325.751.269
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-68.407.230.131	-50.659.103.280
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-12.082.274.575	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-22.775.428.482	88.666.647.989
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		-3.978.340.295	9.755.665.701
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.713.634.300	8.412.267.299
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.735.294.005	18.167.933.000

Người lập biểu



Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Phê duyệt, Ngày 29 tháng 07 năm 2026



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp và đầu tư bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 91 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 114 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Chuyển đổi toàn bộ số dư theo tỷ giá mua – bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng mà doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn kết} \\ \text{chuyển trong kỳ (*)} \end{array}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

(*) Giá vốn kết chuyển trong kỳ được xác định như sau:

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Đối với tài sản đã qua sử dụng, thời gian khấu hao được tính theo thời gian hữu dụng còn lại ước tính.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan

đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy: Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn; Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty chủ yếu là xây lắp công trình trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	5.474.394	5.474.394
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.729.819.611	11.708.159.906
Các khoản tương đương tiền (*)	0	0
Cộng	7.735.294.005	11.713.634.300

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống tại các ngân hàng. Trong đó, số dư các khoản tiền gửi tại ngày 30/06/2026, số tiền 11.929.703.376 VND, đang được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ tài chính tại ngân hàng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾	21.030.000.000	-4.159.086.567	21.030.000.000	-4.159.086.567
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường ⁽ⁱⁱ⁾	41.924.570.000	-2.994.545.723	41.924.570.000	-2.994.545.723
Cộng	62.954.570.000	-7.153.632.290	62.954.570.000	-7.153.632.290

(i) Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam số 32/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại do mục đích hoạt động không còn phù hợp và để tái cơ cấu các khoản đầu tư. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội – Phòng Đăng ký kinh doanh đã có thông báo về việc Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương Mại đang làm thủ tục giải thể. Tuy nhiên, đến ngày 31/03/2026, việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương Mại vẫn chưa thực hiện được do chưa hoàn thành việc quyết toán và đóng mã số thuế tại cơ quan quản lý thuế.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 ngày 02 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 04 ngày 19 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 3.421.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, chiếm 68,44% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường (VCE) đang trong quá trình làm quyết toán các Hợp đồng ký với Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (TKV). Theo đánh giá sơ bộ, nhiều khả năng có sự ghi giảm doanh thu bán hàng và ghi nhận lỗ lũy kế về kết quả kinh doanh. Để đảm bảo tính an toàn đối với khoản đầu tư góp vốn tại VCE, trong năm 2025, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư góp vốn tại VCE với giá trị là 2.994.545.723 đồng.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do: (i) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường (mã chứng khoán VCE, sàn giao dịch UPCOM) không có giao dịch trong kỳ 2026; và (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa niêm yết và hiện chưa có

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư không có giá giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Tình hình hoạt động của các công ty con

	Tình hình hoạt động
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Đang làm thủ tục giải thể.
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thu hẹp quy mô hoạt động

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong kỳ không phát sinh biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con.

Giao dịch với các công ty con

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch thuê xe máy thiết bị với Công ty cổ phần Xây lắp môi trường (là công ty con) với giá trị giao dịch phát sinh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng là 495.612.000 đồng.

Đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 04/4/2022 (“Hợp đồng khung số 19/2022”) giữa 03 bên, gồm các cổ đông của Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên A), Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên B) và Công ty (Bên C), Bên B và Bên C sẽ cùng thành lập một Công ty TNHH hai thành viên (“Công ty nhận chuyển nhượng dự án”) để Công ty này nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Dự án”), với tỷ lệ vốn góp của Bên B là 49% và Bên C là 51%. Trong vòng 90 ngày sau khi Dự án đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Dự án (đang do Bên B là chủ đầu tư) sẽ được chuyển nhượng cho Công ty nhận chuyển nhượng.

Theo Phụ lục số 04 ngày 01/06/2024, thời gian thực hiện đã được điều chỉnh như sau: Bên B phải hoàn thành các thủ tục để được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng Dự án, ký, kết xong hợp đồng chuyển nhượng Dự án, bàn giao Dự án và đăng ký sang tên Quyền sử dụng đất của toàn bộ khu đất thực hiện Dự án cho Công ty nhận chuyển nhượng.

Theo Phụ lục số 05 ngày 15/07/2024, các bên thống nhất: Trước khi thành lập Công ty nhận chuyển nhượng Dự án, Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (chủ đầu tư dự án) có thể thực hiện việc bán một phần sản phẩm của dự án khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024/HĐHTĐT/CMH-THPT ngày 01/06/2024 (“Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024”) giữa Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên A) với Công ty (Bên B), hai bên cùng góp vốn để hợp tác đầu tư, xây dựng và kinh doanh tại “Dự án” trên Khu đất bàn giao đợt 1 (diện tích 138.496 m²), với tổng mức đầu tư dự kiến là 527.974.000.000 VND, bên A góp 97.040.000.000 VND (tương đương 18,38%), bên B góp 430.934.000.000 VND (tương đương 81,62%), trong đó, góp từ nguồn vốn chủ sở hữu của Bên B là 73.588.000.000 VND (tương đương 13,94%). Lợi nhuận phân chia là Lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ vốn góp thực tế của mỗi bên vào hoạt động hợp tác đầu tư tính đến thời điểm phân chia lợi nhuận.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (*)	0	27.705.643.713
Công ty TNHH Hai thành viên Miền Trung Nam Thành phố	3.782.883.700	9.804.000.000
Công ty Cổ phần LEMORE Phan Thiết	0	2.240.595.974
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Sản xuất Hạ Long	14.764.059.295	708.299.518
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thiết bị Chiếu sáng Thanh Hóa	0	9.586.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng khác	7.225.787.260	7.279.264.015
Cộng	25.772.730.255	57.324.503.220

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (*)	24.460.527.907	27.068.910.059
Xí nghiệp Sông Đà 10.2 - Chi nhánh CTCP Sông Đà 10	4.038.121.000	4.735.838.000
Xí nghiệp Sông Đà 10.5 - Chi nhánh CTCP Sông Đà 10	8.649.084.807	7.753.612.547
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	5.318.516.224	6.649.125.023
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	8.219.169.047	8.219.169.047
Các khách hàng khác	8.340.608.099	4.371.061.015
Cộng	59.026.027.084	58.797.715.691

(*) Khoản phải thu theo Hợp đồng tổng thầu EPC số 1102-1/2022/HĐTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 (“Hợp đồng tổng thầu EPC 1102-1/2022”) giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Theo Hợp đồng này, Công ty nhận thực hiện Tổng thầu EPC: Thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

3c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH HTV Miền Trung Nam Thành phố	3.782.883.700	9.804.000.000
Công ty Cổ phần LEMORE Phan Thiết	3.265.654.001	3.048.486.182
Trong đó:		
Ngắn hạn	0	2.240.595.974
Dài hạn	3.265.654.001	807.890.208

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	21.152.371.104	0	30.194.888.111	0
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	1.698.646	0	1.698.646	0
CTCP CM Đầu tư và Thương mại	6.000.000	0	6.000.000	0
Tạm ứng của Bên liên quan	21.144.672.458	0	30.187.189.465	0
Ông Kim Ngọc Nhân	814.637.590	0	300.000.000	0
Ông Phạm Minh Phúc	658.000.000	0	250.137.590	0
Ông Trần Văn Trung	3.645.984.665	0	15.061.604.000	0
Ông Nguyễn Ngọc Tú	15.061.604.000	0	13.639.808.809	0
Bà Đinh Thị Thuý	964.446.203	0	935.639.066	0
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	351.199.233.394	-39.850.706.013	362.782.938.310	-39.850.706.013
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	71.600.746	0	377.290.173	0
Tạm ứng của nhân viên	11.245.149.426	0	3.193.219.746	0
CTCP Tuấn Huy Phú Thọ - đặt cọc hợp đồng khung (*)	139.420.652.540	0	150.961.829.696	0
CTCP Tuấn Huy Phú Thọ - góp vốn hợp tác đầu tư (**)	146.000.000.000	0	148.000.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
CTCP Tuấn Huy Phú Thọ - Lợi nhuận được chia từ hợp tác đầu tư (***)	14.163.106.646	0	14.163.106.646	0
Các khoản ký quỹ, ký cược	164.500.000	0	21.000.000	0
CTCP Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	-21.540.049.741	21.540.049.741	-21.540.049.741
CTCP Cavico Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	-5.700.000.000	5.700.000.000	-5.700.000.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	-12.610.656.272	12.610.656.272	-12.610.656.272
CTCP Tập đoàn TDT	0	0	4.469.226.275	0
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	283.518.023	0	1.746.559.761	0
Cộng	372.351.604.498	-39.850.706.013	392.977.826.421	-39.850.706.013

(*) Theo Hợp đồng khung số 19/2022 và các Phụ lục hợp đồng, Công ty sẽ đặt cọc để bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ("Cẩm Khê Central Park"). Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi ích khác tương ứng với 7%/năm tính trên số tiền đặt cọc và được tính hằng năm. Tiền đặt cọc có thể được thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa các bên, hoặc được hoàn trả lại theo thỏa thuận.

(**) Là khoản vay ngân hàng để nộp tiền sử dụng đất cho diện tích thửa đất 138.496 m² theo Thông báo ngày 31/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ thay cho Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Khoản này được các bên thống nhất tính vào tiền góp vốn Công ty theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024. Toàn bộ giá trị khoản góp vốn này được đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

(***) Là khoản lợi nhuận được chia năm 2025 từ Hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ.

5. Tài sản thiếu chờ xử lý**6. Nợ xấu**

Các khoản nợ xấu sau đây đã được trích lập dự phòng với mức trích lập bằng 100% giá gốc:

	Số cuối quý	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	21.540.049.741
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	2.267.704.120	2.267.704.120
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	704.446.925	704.446.925
CTCP Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	5.700.000.000	5.700.000.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	12.610.656.272	12.610.656.272
Các khách hàng khác	1.227.802.438	146.350.000
Cộng	44.050.659.496	42.969.207.058

7. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.775.294.556	0	4.678.810.879	0
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	83.203.844.163	0	48.032.994.612	0
Cộng	84.979.138.719	0	52.711.805.488	0

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo các công trình, dự án như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự án Nậm Nghiệp, Lào	2.568.380.628	0
Dự án Cẩm Khê Central Park (*)	45.399.047.167	15.640.275.256
Dự án hầm E'a Trang	1.317.147.596	10.190.405.087
Dự án Aeon Hòa Xuân, Đà Nẵng	26.056.332.132	20.288.595.704
Dự án Khách sạn Lomore Phan Thiết (**)	3.145.610.622	293.574.880
Dự án khác	4.717.326.018	1.620.143.682
Cộng	83.203.844.163	48.032.994.612

(*) Là dự án mà Công ty làm tổng thầu theo Hợp đồng tổng thầu EPC 1102-1/2022 với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ và các phụ lục, trong đó, phụ lục mới nhất có hiệu lực là Phụ lục số 09-1102-1/2022/HĐTT ngày 01/06/2024. Giá trị hợp đồng tạm tính là 450,04 tỷ VND. Giá trị khối lượng đã được nghiệm thu là 254,068 tỷ VND, dự kiến hoàn thành vào quý 4 năm 2026.

(**) Là dự án mà Công ty làm tổng thầu theo Hợp đồng số 01/2025/HĐXD/LMPT-CMH ký ngày 15/08/2025 với Công ty Cổ phần Lomore Phan Thiết – Công ty có liên quan của ông Phạm Minh Phúc Chủ tịch HĐQT Công ty và các phụ lục. Giá trị hợp đồng tạm tính là 299 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào quý 4 năm 2026.

8. Tài sản dở dang dài hạn**8a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****8b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự án Golf Phú Thọ	1.377.548.650	1.377.548.650
Dự án Khu đô thị Bến Tre	1.083.202.808	1.083.202.808
Dự án Khu đô thị Thụy Vân, Phú Thọ	306.640.741	306.640.741
Dự án Khu đô thị Kontum	569.288.514	569.288.514
Cộng	3.336.680.713	3.336.680.713

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	45.523.031.733	15.555.930.999	663.024.100	61.741.986.832
Mua trong kỳ	0	0	0	0
Số cuối quý	45.523.031.733	15.555.930.999	663.024.100	61.741.986.832
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	35.301.217.886	10.694.406.805	570.700.247	46.566.324.938
Khấu hao trong kỳ	1.927.259.598	414.873.457	11.145.587	2.353.278.642
Số cuối quý	37.228.477.484	11.109.280.262	581.845.834	48.919.603.580
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	10.221.813.847	4.861.524.194	92.323.853	15.175.661.894
Số cuối quý	8.294.554.249	4.446.650.737	81.178.266	12.822.383.252

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

10. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Website, logo	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	114.000.000	361.455.000
Số cuối quý	209.455.000	38.000.000	114.000.000	361.455.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	209.455.000	38.000.000	0	247.455.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	28.785.000	276.240.000
Khấu hao trong kỳ	0	0	5.700.000	5.700.000
Số cuối quý	209.455.000	38.000.000	34.485.000	281.940.000
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	0	0	85.215.000	85.215.000
Số cuối quý	0	0	79.515.000	79.515.000

11. Tài sản cố định thuê tài chính**12. Tài sản sinh học****13. Tài sản bất động sản đầu tư****14. Chi phí chờ phân bổ****14a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	90.090.790	56.848.027
Chi phí chờ phân bổ khác	363.801.558	277.726.173
Cộng	453.892.348	334.574.200

14b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	117.686.784	186.626.528
Chi phí chờ phân bổ khác	1.195.312.886	159.973.715
Cộng	1.312.999.670	346.600.243

15. Tài sản khác**16. Vay và nợ thuê tài chính****16a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.698.471.321</i>	<i>8.698.471.321</i>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.074.471.321	2.074.471.321
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	6.624.000.000	6.624.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>51.081.714.710</i>	<i>54.607.766.047</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

		<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱ⁾	Chi	51.081.714.710	54.607.766.047
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân⁽ⁱⁱ⁾</i>		<i>600.000.000</i>	<i>4.350.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.16b)</i>		<i>2.712.000.000</i>	<i>2.712.000.000</i>
Cộng		<u>63.092.186.031</u>	<u>70.368.237.368</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An để thanh toán chi phí thi công xây dựng Dự án Khu đô thị Cầm Khê Central Park và Dự án Khách sạn Lemore Phan Thiết, hạn mức cho vay không vượt 60 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ không quá 6 tháng. Lãi suất 7,7%-7,9%. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và 5.591.200 cổ phiếu CMS thuộc sở hữu của ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (ii) Khoản vay cá nhân theo hợp đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 6 tháng, lãi suất từ 0% - 8,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	8.698.471.321	0	0	0	8.698.471.321
Vay ngắn hạn ngân hàng	54.607.766.047	57.175.178.794	0	60.701.230.131	51.081.714.710
Vay ngắn hạn các cá nhân	4.350.000.000	600.000.000	0	4.350.000.000	600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.712.000.000	0	1.356.000.000	1.356.000.000	2.712.000.000
Số cuối quý	<u>70.368.237.368</u>	<u>57.775.178.794</u>	<u>1.356.000.000</u>	<u>66.407.230.131</u>	<u>63.092.186.031</u>

16b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱ⁾	148.036.000.000	151.392.000.000
<i>Đầu tư máy móc thiết bị</i>	<i>2.036.000.000</i>	<i>3.392.000.000</i>
<i>Hợp tác đầu tư dự án Bất động sản</i>	<i>146.000.000.000</i>	<i>148.000.000.000</i>
Cộng	<u>148.036.000.000</u>	<u>151.392.000.000</u>

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay ngày 29/08/2022 và ngày 14/6/2023 để thanh toán các chi phí đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là các máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và 5.591.200 cổ phiếu CMS thuộc sở hữu của ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Hợp đồng vay ngày 04/09/2024, hạn mức 230 tỷ đồng, để thanh toán các chi phí đầu tư Dự án Cầm Khê Central Park theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có), lãi suất 8%/năm áp dụng trong vòng 12 tháng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh của Công ty từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.712.000.000	2.712.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	148.036.000.000	151.392.000.000
Cộng	150.748.000.000	154.104.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	154.104.000.000	139.003.404.801
Số tiền vay phát sinh	0	99.984.595.199
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-2.000.000.000	0
Số kết chuyển	-1.356.000.000	-1.528.000.000
Số cuối quý	150.748.000.000	237.460.000.000

17. Phải trả người bán**17a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>39.668.616.087</i>	<i>39.397.004.087</i>
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	31.488.475.329	31.216.863.329
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	2.593.435.048	2.593.435.048
Công ty TNHH CM Xây dựng	5.586.705.710	5.586.705.710
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>22.838.574.359</i>	<i>12.549.770.556</i>
Cộng	62.507.190.446	51.946.774.643

17b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	1.817.607.700	1.783.222.000
CTCP Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	1.905.828.450	1.905.828.450
CTCP Tập đoàn TDT	1.443.879.220	1.127.966.350
CTCP Xây dựng Top Dec	4.717.608.936	0
Các nhà cung cấp khác	4.225.958.698	5.431.486.565
Cộng	14.110.883.004	10.248.503.365

18. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối quý	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa(*)	0	4.257.976.387	0	528.675.050	0	4.786.651.437
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.105.894.596	0	771.473.739	5.681.556.611	3.195.811.724	0
Thuế thu nhập cá nhân	1.881.155.936	0	1.092.509.673	772.282.633	2.201.382.976	0
Thuế tài nguyên	0	0	0	0	0	0
Phí bảo vệ môi trường	0	1.614.140	0	0	0	1.614.140
Các khoản phải nộp khác	0	0	0	0	0	0
Cộng	9.987.050.532	4.259.590.527	1.863.983.412	6.982.514.294	5.397.194.700	4.788.265.577

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

- (*) Toàn bộ số thuế đã nộp trong kỳ là thuế vãng lai nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng. Thuế giá trị gia tăng hoạt động xây dựng thực hiện tại các tỉnh khác với trụ sở chính phải nộp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng. Số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng sẽ được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.059.027.517	5.687.886.636
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	798.341.180	793.988.684
- Các khoản điều chỉnh tăng	869.941.926	995.883.206
Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH, các khoản phạt	61.151.753	38.375.510
Khấu hao TSCĐ (xe ô tô)	323.500.000	323.500.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	108.000.000	117.000.000
Hoàn nhập lãi dự thu tiền gửi năm trước	377.290.173	359.019.124
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	0	157.988.572
- Các khoản điều chỉnh giảm	71.600.746	201.894.522
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối kỳ	71.600.746	201.894.522
Thu nhập tính thuế	3.857.368.697	6.481.875.320
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	771.473.739	1.296.375.064

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với giá tính thuế là 60.000 VND/m³ x thuế suất (7%) x Sản lượng

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với mức 2.000 VND/m³ x Sản lượng x Hệ số (1,1)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

20. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi vay ngắn hạn phải trả	61.588.682	66.067.537
Trích trước chi phí công trình	13.129.524.620	23.433.883.655
Cộng	13.191.113.302	23.499.951.192

21. Phải trả khác

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	359.957.020	316.243.180
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	181.968.250	1.690.574
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.545.827.431	2.377.418.409
Cộng	4.087.752.701	2.695.352.163

22. Doanh thu chờ phân bổ**23. Trái phiếu phát hành****24. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả****25. Dự phòng phải trả****26. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****27. Vốn chủ sở hữu****27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	254.525.000.000	-441.950.000	9.106.031.657	263.189.081.657
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	37.213.391.218	37.213.391.218
Số dư cuối kỳ trước	254.525.000.000	-441.950.000	46.319.422.875	300.402.472.875
Số dư đầu năm nay	254.525.000.000	-441.950.000	46.319.422.875	300.402.472.875
Chi trả cổ tức	0	0	-12.726.250.000	-12.726.250.000
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	2.287.553.778	2.287.553.778
Số dư cuối kỳ này	254.525.000.000	-441.950.000	35.880.726.653	289.963.776.653

27b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.452.500	25.452.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.452.500	25.452.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.452.500	25.452.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

28. Chênh lệch đánh giá lại tài sản**29. Chênh lệch tỷ giá****30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****30a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	96.784,13	21,17
Euro (EUR)	0,18	0,18

30b. Nợ đã xóa sổ

Nợ đã xóa sổ bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả liên quan đến chủ đầu tư và nhà thầu phụ công trình dự án Thủy điện Sông Bạc, phát sinh lâu ngày, không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	13.927.265.023	13.927.265.023
Trả trước nhà cung cấp		
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix	264.820.000	264.820.000
Cộng	14.192.085.023	14.192.085.023
Phải trả nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	316.088.850	316.088.850
Cộng	8.796.820.019	8.796.820.019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	0	485.571.218	1.666.666.667	956.740.821
Doanh thu hợp đồng xây dựng	93.295.125.513	78.882.655.999	160.880.939.816	135.669.098.466
Cộng	93.295.125.513	79.368.227.217	162.547.606.483	136.625.839.287

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	0	475.169.673	1.298.703.704	946.001.411
Giá vốn hợp đồng xây dựng	90.544.428.193	75.818.768.780	152.520.271.852	126.818.419.352
Cộng	90.544.428.193	76.293.938.453	153.818.975.556	127.764.420.763

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay</u>	<u>Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	65.465.937	247.917.354	209.221.413	385.951.557
Lãi tiền cho vay	0	0	0	0
Lợi nhuận từ khoản đầu tư tài chính	0	0	0	0
Cộng	65.465.937	247.917.354	209.221.413	385.951.557

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước
Chi phí lãi vay	1.646.170.275	5.341.028.875	2.544.509.406	8.754.341.322
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính	0	0	0	0
Cộng	1.646.170.275	5.341.028.875	2.544.509.406	8.754.341.322

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.988.222.740	1.539.638.953	3.780.935.500	3.366.968.741
Chi phí vật liệu quản lý	48.483.333	0	48.483.333	0
Chi phí đồ dùng văn phòng	267.273.083	370.537.683	573.424.270	825.468.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.797.142	206.973.069	427.594.284	413.946.138
Thuế, phí và lệ phí	0	0	0	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.355.518.015	1.644.114.747	2.415.327.836	2.547.496.978
Chi phí khác	0	0	0	0
Cộng	3.873.294.313	3.761.264.452	7.245.765.223	7.156.880.378

6. Thu nhập khác

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước
Lợi ích từ tiền đặt cọc Hợp đồng khung số 19/2022	2.179.226.289	6.717.026.926	4.334.505.036	11.112.145.148
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	0	964.718.182	0	964.718.182
Thu nhập khác	5.740.920	418.048.640	11.994.816	423.530.041
Cộng	2.184.967.209	8.099.793.748	4.346.499.852	12.500.393.371

7. Chi phí khác

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước
Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế, chậm nộp bảo hiểm	9.616.943	20.291.530	61.151.753	38.375.510

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước
Giá trị của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	0	0	0	0
Chi phí khác	193.883.168	46.997.201	373.898.293	110.279.606
Cộng	203.500.111	67.288.731	435.050.046	148.655.116

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.752.784.615	11.955.993.963	46.585.685.026	23.019.946.961
Chi phí nhân công	5.504.370.532	5.996.619.655	10.655.346.519	11.869.531.168
Chi phí máy thi công	1.929.850.518	7.618.085.794	3.105.308.306	13.700.176.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.424.690.979	22.938.693.196	126.840.845.354	35.204.959.962
Chi phí khác	36.967.618	3.352.653.308	1.950.212.909	5.648.313.173
Cộng	98.648.664.262	51.862.045.916	189.137.398.114	89.442.927.992

VII. THÔNG TIN BỔ SỰNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Các giao dịch không bằng tiền**

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay
Lãi tiền gửi nhập gốc	11.307.526	0

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước
Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc	564.500.000	200.000.000
Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân	400.000.000	0
Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung	0	0
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	0	1.139.000.000
Tạm ứng cho Bà Đinh Thị Thủy	50.000.000	1.010.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị dùng 5.591.200 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH (mã CMS) thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCM Công thương Việt Nam, chi nhánh Thành An.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay		Tiền lương và các khoản khác	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ Thành viên Ủy ban KTNB	400.000.000	90.000.000	490.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	430.000.000	9.000.000	439.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên HĐQT độc lập/Chủ tịch Ủy ban KTNB	0	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	0	9.000.000	9.000.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	260.602.000	9.000.000	269.602.000
Bà Đinh Thị Thủy	Kế toán trưởng	382.000.000	0	382.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	382.000.000	0	382.000.000
Cộng		1.854.602.000	126.000.000	1.980.602.000

Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước		Tiền lương và các khoản khác	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ Thành viên Ủy ban KTNB	330.900.000	90.000.000	420.900.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	360.900.000	9.000.000	369.900.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	0	4.500.000	4.500.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	0	4.500.000	4.500.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT độc lập/ Chủ tịch Ủy ban KTNB	0	4.500.000	4.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Ông Nguyễn Huy Hoàng	Thành viên HĐQT độc lập/Chủ tịch Ủy ban KTNB	0	4.500.000	4.500.000
Ông Nguyễn Anh Tú	Thành viên HĐQT	0	4.500.000	4.500.000
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	196.602.000	4.500.000	201.102.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/Kế toán trưởng	318.900.000	0	318.900.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	318.900.000	0	318.900.000
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	318.900.000	0	318.900.000
Cộng		1.844.202.000	126.000.000	1.970.202.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Công ty con
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH CM Xây dựng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Huy Phương	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Tập đoàn Thành Công	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thế Kỷ Mới	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Hai thành viên Miền Trung Nam Thành phố	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Lemoire Phan Thiết	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các công ty con như sau:

Bên liên quan	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Công ty cổ phần Xây lắp môi trường	458.900.000	0

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Công ty cổ phần Lemoire Phan Thiết	45.171.053.359	0
Công ty TNHH Hai thành viên Miền Trung Nam Thành phố	3.502.670.093	0

Giao dịch phát sinh trong kỳ với Công ty cổ phần Lemoire Phan Thiết là giá trị sản lượng thực hiện của Hợp đồng số 01/2025/HĐXD/LMPT-CMH ký ngày 15/08/2025 được nghiệm thu thanh toán.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4(a); V.3(c); V.16(a) và V.17(a).

2. Đối tác quan trọng

Đối tác quan trọng của Công ty là Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Thông tin về các Hợp đồng đã ký kết với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.2(c) và V.4(a).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Xuân Phương, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch với Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này năm trước
Doanh thu Hợp đồng tổng thầu EPC	3.626.091.183	32.380.549.414
Lợi ích từ tiền đặt cọc	11.663.600.926	11.112.145.148
Chuyển tiền đặt cọc Hợp đồng khung	0	6.900.000.000
Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư	-2.000.000.000	99.984.595.199

Công nợ với Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ được trình bày tại các thuyết minh số V.2(c) và V.4(a).

3. Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh nào phát sinh trong kỳ báo cáo.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Phê duyệt, Ngày 29 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Kim Ngọc Nhân

C.T.C.P.
NỘI